

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 26/6/2025
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Quý
Ông Đồng Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 10/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L- sinh năm: 1963;
Địa chỉ: 85A, Phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1979;
Địa chỉ: Thôn Xuân Đ, xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2024 (nộp Tòa án ngày 09/12/2024); các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và bà Nguyễn Thị K có quan hệ họ hàng. Bà K là cháu họ của bà L (cha bà K là anh chồng của bà L); lúc nhỏ bà K có đến sống cùng nhà với bà L một thời gian và thường gọi bà là “mẹ L”. Do bà L và bà K thân thiết với nhau nhiều năm nên khi bà K cần số tiền vốn để làm ăn và chi tiêu cá nhân, bà L đồng ý cho bà K vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1 vào ngày 14/7/2023: bà L cho bà K vay số tiền 3.400.000.000đồng (ba tỉ bốn trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 20%/năm, trả lãi vào ngày 14 hàng tháng, thời hạn vay không xác định khi nào bà L yêu cầu thì bà K sẽ trả. Hợp đồng vay giữa hai bên là Giấy mượn tiền ngày 14/7/2023 do bà K trực tiếp viết và ký tên.

Lần 2 vào ngày 03/8/2023: bà L cho bà K vay số tiền 1.000.000.000đồng (một tỉ đồng). Hai bên không thỏa thuận lãi suất vay, thời hạn vay 01 tháng phải trả nợ gốc.

Mỗi lần vay tiền bà K đều trình bày mục đích vay tiền để góp vốn làm ăn, chi tiêu cá nhân, bà L không biết rõ bà K vay sử dụng cụ thể như thế nào. Bà L xác định chỉ cho một mình bà K vay tiền, bà L trực tiếp giao tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng cho bà K và bà K viết các giấy mượn tiền để chứng minh.

Sau khi bà K nhận đủ tiền thì bà không còn L hệ với bà L thường xuyên, cũng không trả tiền lãi hàng tháng cho bà L như hứa hẹn. Đến tháng 5/2024, bà L L hệ bà K để trả nợ thì bà trốn tránh không trả. Tháng 12/2024 bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh để yêu cầu bà K trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lyêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K phải trả một lần toàn bộ số nợ:

- Nợ gốc là 4.400.000.000đồng (bốn tỉ bốn trăm triệu đồng);

- Tiền lãi phát sinh từ nợ gốc tính từ ngày 03/8/2023 đến ngày 03/01/2025, với lãi suất 10%/năm, là 702.768.604đồng (bảy trăm lẻ hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng), và tiền lãi phát sinh đến khi bà K trả nợ xong, với lãi suất 10%/năm.

Ngày 10/6/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lnộp Đơn trình bày, có nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả một lần toàn bộ số nợ:

- Nợ gốc là 4.400.000.000đồng (bốn tỉ bốn trăm triệu đồng);

- Tiền lãi phát sinh từ nợ gốc tính từ tháng 01/2025 đến ngày 26/6/2025, với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể $4.400.000.000\text{đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 219.120.000\text{đồng}$ (hai trăm mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi bà K trả nợ xong, với lãi suất theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật, cụ thể: thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời, đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 77 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lyêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị K, hộ khẩu thường trú tại thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phải trả cho bà số tiền còn nợ là 4.4.000.000đ (bốn tỉ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh, căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị K đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, xét Đơn trình bày ngày 10/6/2025 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, thì có nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả một lần toàn bộ số nợ, trong đó tiền gốc là 4.400.000.000đồng (bốn tỉ bốn trăm triệu đồng); tiền lãi phát sinh từ nợ gốc tính từ tháng 01/2025 đến ngày ngày 26/6/2025, với lãi suất 0,83%/tháng, cụ

thể 4.400.000.000đồng x 06 tháng x 0,83%/tháng = 219.120.000đồng (hai trăm mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi bà K trả nợ xong, với lãi suất theo quy định của pháp luật. Đây là nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết nội dung thay đổi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 14/7/2023 có nội dung thể hiện: “... Nguyễn Thị K ... có mượn của mẹ Nguyễn Thị L 3.400.000.000 (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) ... tôi viết giấy này để làm chứng từ nếu sai sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”; bà K viết nội dung và ký tên vào giấy mượn tiền trên. Do đó, việc bà Nguyễn Thị K có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 3.400.000.000đồng (ba tỷ bốn trăm triệu đồng) là có thật. Giấy mượn tiền ngày 14/7/2023 là hợp đồng thỏa thuận hợp pháp về quan hệ vay tiền giữa các bên.

[5] Giấy mượn tiền ngày 03/8/2023, có nội dung thể hiện: “Tôi tên là Nguyễn Thị K ... có nhờ mẹ L mượn của anh Nguyễn Xuân D số tiền (Một tỷ đồng chẵn) 1.000.000.000đ, số tiền trên sẽ trả vào ngày 3/9/2023 sẽ trả đủ...”; theo lời khai của bà L, bà K vay tiền để có vốn làm ăn và chi tiêu cá nhân, nên bà đã xoay sở mượn tiền từ anh Nguyễn Xuân D để giao đủ số tiền tổng cộng 1.000.000.000đồng (một tỉ đồng) cho bà K, đồng thời bà K viết nội dung và ký tên vào giấy mượn tiền trên. Theo Biên bản lấy lời khai nguyên đơn ngày 02/4/2025, việc bà L yêu cầu bà K viết tên anh Nguyễn Xuân Duy vào giấy mượn tiền này để bà K phải nhanh chóng trả nợ trong vòng 01 tháng do bà L xoay sở, mượn tiền từ ông Duy. Thực tế giao dịch chuyển khoản theo Sao kê tài khoản của Vietcombank, vào ngày 03/8/2023, bà L có chuyển khoản số tiền 495.000.000đồng cho tài khoản “Nguyễn Thị K”. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ L hệ ông Nguyễn Xuân Duy để làm rõ tình tiết vụ án nhưng bà L không cung cấp được do không còn L hệ gì với ông Duy, nên không đủ căn cứ để đưa ông Nguyễn Xuân Duy tham gia tố tụng trong vụ án này. Do đó có đủ cơ sở xác định, thực tế bà Nguyễn Thị K có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 1.000.000.000đồng (một tỉ đồng). Giấy mượn tiền ngày ngày 03/8/2023 là hợp đồng thỏa thuận hợp pháp về quan hệ vay tiền giữa các bên.

[6] Sau khi đến hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà K trả nợ nhưng bà không trả; việc bà Nguyễn Thị K không thanh toán số tiền còn nợ cho bà L đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; đồng thời gây khó khăn cho bà L trong việc thu hồi vốn cho vay, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị K đến

Tòa đề giải quyết vụ án nhưng bà không đến thể hiện rõ bà không có thiện chí giải quyết vụ án và cố tình kéo dài việc giải quyết vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc tổng cộng 4.400.000.000 đồng (bốn tỉ bốn trăm triệu đồng).

[7] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lyêu cầu tính lãi do chậm trả nợ gốc, từ tháng 01/2025 đến ngày xét xử 26/6/2025, với lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể $4.400.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 219.120.000 \text{ đồng}$ (hai trăm mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử đến khi bà K trả nợ xong, với lãi suất theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm trả nợ gốc kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 14/01/2025) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2025), với mức lãi suất 0,83%/tháng như trên là phù hợp với quy định tại các khoản 4, 5 của Điều 466; Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn.

[8] Về chi phí tố tụng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà Nguyễn Thị K do người yêu cầu là Nguyễn Thị L chịu; bà L đã nộp đủ lệ phí.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (cụ thể $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times 619.120.000 \text{ đồng} = 112.619.120 \text{ đồng}$). Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, Điều 466, 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng cộng số tiền 4.612.120.000 đồng (bốn tỉ sáu trăm mười hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong đó: tiền gốc 4.400.000.000đồng (bốn tỉ bốn trăm triệu đồng); tiền lãi 219.120.000đồng (hai trăm mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 112.619.120đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm hai mươi đồng).

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Ngọc Anh